TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2024/DS-PT

Ngày 06 - 12 - 2024

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Hà và ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2024/QĐ-PT, ngày 15/10/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Bích M.

Địa chỉ: B L, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Đặng Thanh Q – Công ty L – Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ A, Tòa nhà A, dự án phát triển nhà ở xã hội, đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T

Cùng trú tại: 2 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Á: Bà Hà Thị T(có mặt).

2.2. Ông Võ Thiện N

Địa chỉ: 2 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hà Thị T

Địa chỉ: 2 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Xuân V.

Địa chỉ: Số H T, phường A, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Thành T1 – chức vụ: Chấp hành viên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Cao Thị Bích M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà** Cao Thị Bích M **trình bày:**

Ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T là hàng xóm của tôi. Qua nói chuyện thì ông Á, bà T nói cần tiền để cho ông Võ Văn N1 (con ông Á, bà T), công tác tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cần vốn để sử dụng. Vì tin tưởng ông N1 là công chức Nhà nước, nên ngày 05/9/2022 tôi đã cho ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T, ông Võ Thiện N vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Số tiền vay được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng B đứng tên ông Võ Thiện N. Khi vay gia đình ông Á có thế chấp cho tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 239786 do U cấp ngày 03/11/2014, diện tích 198 m^2, trong đó đất ở 70 m^2, 128 m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại 385/1/6 L, phường E, Tp ..

Đến thời hạn trả nợ, thì ông Á, bà T nói chưa có tiền trả và nói với tôi ông Á, bà T có Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,10 m² tọa lạc tại A N, phường T, thành phố B (Giấy CNQSD đất số 4001010329 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu ngày 21/4/2022 đứng tên ông Võ Thiện N hiện đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng) là đất ông Á, bà T nhờ ông N đứng tên (ông Á, bà T có đưa cho tôi 01 Giấy ủy quyền nhờ ông N đứng tên giúp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện đã có ông Vũ Xuân V đặt cọc 200.000.000 đồng để mua đất (Các bên thỏa thuận giá bán 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), bà T gửi hình ông V chuyển khoản 200.000.000 đồng đặt cọc cho tôi.

Bà T, ông Á, ông N nói tôi cho mượn thêm 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) trả Ngân hàng để xóa thế chấp đối với Thửa đất nêu trên để bán cho ông Văn 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng), khi bán được sẽ trả cho tôi 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng). Bản thân tôi không quen biết với ông Vũ Xuân V, mà bà T gửi số điện thoại của ông V cho tôi để liên hệ và xác minh thông tin. Tuy nhiên, tôi không điện thoại cho ông V mà bà T, ông Á hẹn ông V đến nhà bà T lập Văn bản thỏa thuận vào ngày 02/4/2023, ông V nhận chuyển nhượng Thửa đất trên với giá 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) thì sẽ chuyển thẳng cho

tôi 5.000.000.000 đồng và ông Á, bà T sẽ trả tiếp cho tôi 2.000.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này ông Võ Thiện N đồng ý và ký tên vào văn bản thỏa thuận. Đồng thời, ông Võ Thiện N ký Giấy ủy quyền cho tôi đi xóa thế chấp và giao Căn cước công dân số 066094046481 cấp ngày 21/9/2022 (bản gốc). Ngày 03/4/2023 gia đình ông Á, bà T, ông N viết giấy vay thêm số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng khi vay đối với số tiền này thì tôi trực tiếp chuyển tiền cho ông Á, thời hạn vay 02 ngày để nộp vào ngân hàng B Đông Ban Mê để rút bìa căn nhà 106 Nguyễn Văn C để bán trả nợ theo văn bản thỏa thuận ngày 02/4/2023.

Sau khi trả nợ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 đứng tên ông Võ Thiện N tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,10 m^2 tọa lạc A N, phường T, TP B do tôi cất giữ. Nhưng khi chuyển trả vào ngân hàng B và xóa thế chấp thì bên mua đổi ý không mua vì lý do nhà có tranh chấp. Ông Á, bà T cũng không trả tiền cho tôi, gia đình ông Á đã lừa dối không cho tôi biết việc ông V không mua thửa đất nữa vẫn để tôi trả tiền vào Ngân hàng lấy bìa ra.

Thời điểm này chỉ có việc ông V đặt cọc với ông Á, bà T và ông N chứ không có việc bà Nguyễn Thị C1, địa chỉ: 5 H, phường T, thành phố B đặt cọc. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị C1 lại khởi kiện ông Võ Thiện N, ông Võ Văn Á tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hai bên đã Công nhận thỏa thuận theo đó ông Á, ông N trả cho bà C1 2.000.000.000 đồng tiền cọc và trả 2.000.000.000 đồng tiền phạt cọc. Tổng cộng 4.000.000.000 đồng. Khi đang thi hành án thì bà T có nói với tôi là không cần Giấy CNQSD đất mà tôi đang giữ đối với Thửa đất số 113 nói trên vì gia đình bà T đã lập văn bản báo mất Giấy CNQSD đất để thi hành án. Đồng thời, không chịu trả tiền cho tôi.

Sau này tôi phát hiện, sau khi giao căn cước công dân cho tôi đi xóa thế chấp, thì ông Võ Thiện N đã tự đi làm lại căn cước công dân số 066094016481 cấp ngày 15/5/2023 (thể hiện tại Giấy ủy quyền của ông Võ Thiện N ủy quyền cho ông Phạm Hoài Q1).

Đồng thời, thửa đất số 113 tại địa chỉ A N đang tranh chấp với nhà số A N (*có biên bản giải quyết tranh chấp tại* Ủy ban nhân dân phường T) nhưng ông Á, bà T và ông N vẫn cố tình thỏa thuận để chiếm đoạt số tiền 7.000.000.000 đồng của tôi.

Xét thấy, việc ông Á, bà T và ông N đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 5.000.000.000 đồng của tôi. Vì nhẹ dạ, cả tin mong lấy lại 2.000.000.000 đồng tôi đã mất thêm 5.000.000.000 đồng. Việc ông Á, ông N ký hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị C1 trong thời gian đang thế chấp ngân hàng tháng 02/2023 (*nếu hợp đồng là thật*) thì Hợp đồng phải vô hiệu và các bên trả cho nhau những gì đã nhận. Nhưng hai bên đã thỏa thuận phạt cọc là trái pháp luật nhằm trốn tránh việc trả tiền cho tôi. Đồng thời, ông Võ Văn Á, ông Võ Thiện N còn có hành vi báo mất giấy tờ trong khi đã giao giấy tờ cho tôi. Ngoài ra, ông Phạm Hoài Q1 - Luật sư là người đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C1 trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc vừa là người đại diện

ủy quyền trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với tôi, là không khách quan.

Nay tôi đề nghị tòa án xem xét giải quyết buộc gia đình ông Á phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến khi trả hết nợ. Cụ thể: Món vay 2 tỷ từ ngày 05/9/2022 đến 28/8/2023 là 358 ngày: 2.000.000.000 đồng x 1,5% x 358/30 = 358.000.000 đồng; Món vay 5 tỷ từ ngày 3/4/2023 đến 28/8/2023 là 148 ngày: 5.000.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 148/30 = 370.000.000 đồng. Tổng cộng 728.000.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng số 4001010329 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu ngày 21/4/2022 đứng tên ông Võ Thiện N tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,10 m^2 tọa lạc A N, phường T, TP B trước đó đã thế chấp tại Ngân hàng B. Ông Á, bà T và ông N vay tiền của tôi để trả nợ cho Ngân hàng B. Giải chấp và đưa cho tôi giữ giấy CNQSD đất để đảm bảo khoản vay. Đề nghị Toà án giải quyết sau khi bà T, ông Á, ông N trả nợ cho tôi thì tôi sẽ trả lại giấy CNQSD đất nêu trên cho ông N.

*** Bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông** Võ Văn Á**, bà** Hà Thị T **trình bày:**

Chúng tôi không đồng ý việc bà M khởi kiện xác định ông Võ Thiện N là bị đơn trong vụ án, bởi lẽ:

Đối với khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng: vào ngày 05/9/2022 chúng tôi (ông Á, bà T) viết giấy mượn tiền 2.000.000.000 đồng của bà M. Để được vay tiền chúng tôi có thế chấp cho bà M 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 239786 cấp ngày 03/01/2014 đứng tên Võ Văn Á để vay của bà M số tiền là 02 tỷ đồng và hẹn 15 ngày sau sẽ trả (*số tiền này tôi vay dùm bạn tôi và bà* M *đồng ý*). Khi bà M giao tiền cho chúng tôi theo hình thức chuyển khoản, do vợ chồng tôi không biết cách sử dụng chuyển tiền qua tài khoản bằng điện thoại nên chúng tôi có mượn số tài khoản của ông N để bà M chuyển tiền vào tài khoản ông N mục đích nhờ ông N rút tiền và chuyển tiền giúp chúng tôi được thuận tiện hơn. Chúng tôi đã ghi vào giấy mượn tiền ở góc bên trái có dòng chữ CK 63110000576102 Võ Thiện Nam ngân hàng B là chữ viết của bà T viết để bà M đọc, ngoài ra ông N không hề ký bất kỳ chữ ký, chữ viết nào thể hiện tên ông N trong giấy mượn tiền trên và ông N cũng không hề hay biết gì về việc mượn tiền giữa chúng tôi với bà M, cho nên ông N không liên quan gì. Nay bà M khởi kiện buộc ông N liên đới trả nợ là không đúng, chúng tôi không đồng ý.

Tại văn bản thỏa thuận mua bán nhà 385/1/6 L vào ngày 01/8/2023 thì bà M tự nguyện đề nghị mua lại nhà đất đang tranh chấp của chúng tôi ở địa chỉ số C L, phường E, TP B theo thửa đất số 58, tờ bản đồ số 22, diện tích 198m^2, trong đó đất ở 70 m^2, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 239786 nêu trên mà chúng tôi đã thế chấp cho bà M với giá là 3.000.000.000 đồng bà M đề nghị sẽ khấu trừ vào tài khoản tiền vay trên là 02 tỷ đồng, còn lại 01 tỷ đồng bà M cũng tự ý trừ hết vào khoản lãi phát sinh, bà M đề nghị chúng tôi ký vào văn bản ngay lúc đó xem như chúng tôi đã thanh toán đủ số tiền vay "Hai tỷ

đồng" bà M vẫn còn giữ lại 01 tỷ đồng tiền mua nhà đất của chúng tôi cho đến nay bà M chưa thanh toán tiền cho chúng tôi. Đối với khoản vay 5.000.000.000 đồng được lập theo giấy vay tiền ngày 03/4/2023 là số tiền vay của tôi và ông Á không liên quan đến anh N.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi tôi và ông Á là người trực tiếp nhận tiền từ bà M, để trả khoản vay của anh N tại Ngân hàng BIDV tỉnh B và lấy giấy CNQSD đất của N ra và tự đưa cho bà M giấy CNQSD đất của N để đảm bảo khoản vay giữa tôi, ông Á với bà M. N chỉ ủy quyền cho tôi và ông Á đứng ra nhận giấy CNQSD đất, N không biết và không liên quan đến việc vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất với bà M.

Theo văn bản thỏa thuận lập ngày 02/4/2023 thì ông V là người nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông N, nhưng vì đất đang thế chấp tại ngân hàng nên ông V phải đặt cọc cho ông N số tiền 05 tỷ đồng để ông N trả vào ngân hàng để lấy sổ đất ra sang nhượng cho ông V. Vì vậy, ông V có ký vào văn bản thỏa thuận để cam kết chúng tôi vay số tiền 5.000.000.000 đồng. Do đó, tại giấy vay ngày 03/4/2023 bên góc trái ghi rất rõ bên trả tiền là ông Vũ Xuân V đã ký nhận có sự đồng ý của bà M, còn bên góc phải người vay tiền là ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T. Ngoài ra ông Võ Thiện N chỉ ký với tư cách là người đứng tên trên giấy CNQSD đất. Do chúng tôi là người trực tiếp vay nên số tiền 5.000.000.000 đồng được bà M chuyển trực tiếp vào số tài khoản của ông Á.

Do khoản vay trên là khoản vay của vợ chồng và không liên quan đến anh N nên tôi đồng ý cùng với ông Á trả cho bà M toàn bộ số tiền vay 7.000.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của ông** Võ Thiện N có ý kiến: Ông N không liên quan đến hai khoản nợ mà bà M đang yêu cầu Tòa án giải quyết, bởi những lý do như sau:

1. Đối với khoản vay được lập bởi Giấy mượn tiền có thế chấp vào ngày 05/09/2022.

Ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T là bố mẹ của ông N. Theo nội dung của giấy vay tiền này thì ông Á và bà T có vay 2.000.000.000 đồng của bà M, để đảm bảo cho khoản vay thì ông Á và bà T đã đưa cho bà M 01 giấy CNQSD đất mang ký hiệu BP 239786, mang tên ông Võ Văn Á, bố mẹ của ông N vay và cam kết hẹn ngày trả nợ với bà M, ông N không cam kết. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông Á và bà T, không có chữ ký của ông N, phía góc phải của giấy mượn tiền nêu trên có ghi dòng chữ: CK 63110000576102 là số tài khoản của ông N tại Ngân hàng B, dòng chữ Võ Thiện N, ngân hàng B đều do bà T ghi, mục đích ghi số tài khoản của ông N, là để bà M chuyển tiền cho bà T, ông Á vay, chứ không phải cho ông N vay tiền. Ông N không hề liên quan gì đến khoản vay này.

Do đó, bà Minh xác Đ ông N là người cùng với bố mẹ là ông Á, bà T vay số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) là không đúng bản chất của vụ việc, nên không thể xác định ông N là đồng bị đơn của khoản vay này.

2. Đối với khoản vay được lập theo giấy vay tiền ngày 03/04/2023: Theo nội dung của giấy vay tiền này, thì ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T có vay của bà M số tiền là: 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) thời hạn trả là 02 (hai) ngày 03 và 04/04/2023, lãi suất các bên tự thỏa thuận, để đảm bảo cho khoản vay, bố mẹ của ông N có lấy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 113, tại A N để đảm bảo cho khoản vay trên, ông N chỉ đồng ý để cho ông Á, bà T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Do đó, góc bên phải người đứng vay ký và ghi rõ họ và tên của ông Á, bà T, còn ông N ký tên với tư cách là người đứng tên quyền sử dụng đất, chứ không phải là người đứng tên vay tiền của bà M. Nên việc bà M yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông N phải trả số tiền gốc cũng như số tiền lãi theo giấy vay tiền lập ngày 03/04/2023 là không có căn cứ. Từ những nội dung nêu trên tôi đề nghị Tòa án tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông N.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông** Vũ Xuân V **trình bày:** Trước đây tôi (V) có đặt cọc để nhận chuyển nhượng thửa đất số: 113, tờ bản đồ số 6, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 4001010329 ở địa chỉ: A N, phường T, Tp . của gia đình ông Á, bà T, ông N. Theo hợp đồng đặt cọc thì chúng tôi có thỏa thuận "bên mua sẽ trả số tiền: 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) vào ngân hàng cho bên bán để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Đến ngày giao tiền tôi có liên hệ với bà M vay số tiền: 5.000.000.000 đồng để nộp vào ngân hàng và được bà M đồng ý hẹn tôi đến nhà ông Á, bà T để cùng nhau thống nhất lập văn bản thỏa thuận và giấy vay tiền.

Đối với giấy vay tiền ngày 03/4/2023 có chữ ký của tôi thể hiện bên trả tiền là (bên mua) tức là tôi sẽ chịu trách nhiệm trả khoản tiền vay: 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) cho bà M sau khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nêu trên được công chứng sang tên cho tôi. Nhưng khi đó do nhà đất 106 Nguyễn Văn C xảy ra tranh chấp nên tôi không thể tiếp tục nhận chuyển nhượng nhà, đất trên với ông N. Từ đó tôi không còn trách nhiệm gì đối với khoản tiền vay của bà M, còn theo tôi được biết đối với chữ ký ông N trong giấy vay tiền trên cũng chỉ thể hiện người đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông N chưa từng chứng kiến cũng như chưa bao giờ biết một chút gì về việc giữa bà M với tôi và ông Á, bà T vay khoản tiền trên. Vì vậy, tôi khẳng định ông N không phải là người vay số tiền trên của bà Cao Thị Bích M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M. Buộc ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T phải trả cho bà Cao Thị Bích M tổng số tiền là 8.004.166.000 đồng, trong đó: tổng số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.004.166.000 đồng tính đến ngày 10/7/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bích M để buộc anh Võ Thiện N cùng liên đới phải chịu khoản nợ 8.004.166.000 đồng, trong đó: tổng số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.004.166.000 đồng tính đến ngày 10/7/2024.

Buộc bà Cao Thị Bích M có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Võ Thiện N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu ngày 21/4/2022 đứng tên ông Võ Thiện N tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,10 m^2 tọa lạc A N, phường T, TP B.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Võ Thiện N ngày 03/01/2024 về việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu ngày 21/4/2022 đứng tên ông Võ Thiện N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/7/2024, nguyên đơn bà Cao Thị Bích M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị Bích M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn buộc ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T và ông Võ Thiện N liên đới trả cho bà Cao Thị Bích M số tiền là 8.004.166.000 đồng (Tám tỉ không trăm linh bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) trong đó tiền gốc 7.000.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 1.004.166.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hà Thị T là bị đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của ông Á, ông N cho rằng ông Võ Thiện N không liên quan đến các khoản nợ trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M sửa bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng buộc ông Võ Thiện N có trách nhiệm cùng ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T liên đới trả nợ cho bà Cao Thị Bích M khoản vay ngày 03/4/2023 số tiền là 5.000.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 634.722.000

đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 5.634.772.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm ba mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M trong hạn luật định, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M về việc đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Võ Thiện N có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Võ Văn Á, bà Hà Thị Thuận T trả nợ cho bà M số tiền gốc 7.000.000.000 đồng và số tiền lãi từ khi vay cho đến khi trả hết nợ. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ thì thấy:

[2.1]. Đối với khoản vay ngày 05/9/2022 thể hiện*:*

Tại giấy mượn tiền có thế chấp ghi "Hôm nay ngày 05/9/2022 tôi Võ Văn Á *vợ là* Hà Thị T *có thế cho chị* Cao Thị Bích M *ở* B L, phường T, TP B *một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 239786 mang tên* Võ Văn Á *ở địa chỉ* phường E, TP B *để vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) hẹn 15 ngày sau sẽ trả đủ cho chị* M *và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên*" Tại bên trái của giấy mượn tiền đã ghi CK 63110000576102 Võ Thiện Nam ngân hàng B. Quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T thừa nhận có vay số tiền 2.000.000.000 đồng (*hai tỷ đồng*) của bà M và mượn tài khoản của Võ Thiện N để bà M chuyển tiền. Ông Á, bà T xác định đã nhận đủ số tiền 2.000.000.000 đồng

Đối với giấy mượn số tiền 2.000.000.000 đồng này ông Võ Thiện N không ký tên trong giấy mượn tiền và cũng không thừa nhận việc cùng ông Á, bà T vay tiền của bà M. Ngoài ra, để được vay số tiền 2.000.000.000 đồng ông Á, bà T đã cầm cố cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 239786 do U cấp ngày 03/11/2014 mang tên hộ ông Võ Văn Á. Hơn nữa, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh ông N cùng với ông Á, bà T vay mượn tiền của bà M. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Á, bà T trả nợ cho bà Cao Thị Bích M số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 369.444.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2024 và không buộc ông Võ Thiện N liên đới cùng ông Á, bà T trả khoản nợ trên cho bà M là phù hợp.

[2.2]. Đối với khoản vay ngày 03/4/2023*:* Do ông Võ Thiện N có nhu cầu chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho ông Vũ Xuân V đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,10 m^2 tọa lạc A N, phường T, Tp . theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu tên ông Võ Thiện N ngày 21/4/2022. Trong khi quyền sử dụng đất trên ông Võ Thiện N đang thế chấp Ngân hàng B

(viết tắt Ngân hàng) để vay số tiền 5.000.000.000 đồng *(Năm tỷ đồng)*, để thực hiện việc chuyển nhượng nhà đất cho ông Vũ Xuân V. Ngày 02/4/2023, tại nhà ông Á, bà T ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T (người nhận ủy quyền bán nhà), ông Võ Thiện N (đại diện bán nhà), ông Vũ Xuân V (đại diện mua nhà) và bà Cao Thị Bích M cùng nhau lập văn bản thoả thuận có nội dung:

"*Ngày 02/3/2023 ông* Vũ Xuân V *có đặt cọc mua căn nhà 106* N*, đứng tên ông* Võ Thiện N *với giá 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) đã đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản ông* Võ Văn Á *(bố* N*), cùng với hợp đồng đặt cọc do ông* Á*, bà* T *đã ký gửi ông* V*. Hiện nay Quyền sử dụng đất 106* Nguyễn Văn C *đang vay tại* B *số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Theo yêu cầu của ông* V *sau khi nhận được bản gốc Quyền sử dụng đất và xóa thế chấp ông* V *sẽ trả đủ số tiền 5.000.000.000 đồng. Do vậy, ông* N *và ba mẹ ông* N *có vay của bà* Cao Thị Bích M *số tiền 5.000.000.000 để trả nợ* B *đồng thời ủy quyền cho bà* Minh X *thế chấp . Sau khi có bìa đã xóa thế chấp ông* V *chuyển khoản cho bà* M *số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản 63610000647711*" .

Tại giấy vay tiền *có ghi "Hôm nay ngày 03/4/2023 vợ chồng tôi là* Võ Văn Á*,* Hà Thị T *có vay của bà* Cao Thị Bích M *ở* B3 L *số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) trong thời hạn 02 ngày từ thứ 2 đến thứ 3 ngày 03 và 04 tháng 4 năm 2023 lãi suất tính theo thỏa thuận. Vợ chồng tôi có thế chấp cho chị* M *một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 113 đứng tên con trai là* Võ Thiện N*. Sau khi lấy sổ từ Ngân hàng xóa thế chấp xong thì bên mua nhà ông* Vũ Xuân V *có trách nhiệm chuyển giao số tiền vay trên trả cho bà* M *giao trả chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông* V. Các bên ký và ghi rõ họ tên: Bên vay tiền (bên bán) Võ Văn Á, Hà Thị T. Bên trả tiền (bên mua) Vũ Xuân V. Người đứng tên trong quyền sử dụng đất Võ Thiện N.

Cùng ngày 03/4/2023, bà Cao Thị Bích M đã giao đủ số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) cho ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T vay. Ông Á đã chuyển toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) để trả nợ khoản vay của ông N tại Ngân hàng B. Sau khi trả tiền Ngân hàng, ông Võ Thiện N giao căn cước công dân mang tên Võ Thiện N và ủy quyền cho bà Cao Thị Bích M thực hiện việc rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 tại Ngân hàng B và thực hiện việc xóa thế chấp.

Xét việc, ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T vay số tiền 5.000.000.000 đồng của bà Cao Thị Bích M ngày 03/4/2023, mục đích dùng để trả khoản vay do ông Võ Thiện N nợ tại Ngân hàng B1 để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 đứng tên Võ Thiện N, thực hiện việc xóa thế chấp để chuyển nhượng nhà và đất 106 Nguyễn Văn C cho ông Vũ Xuân V. Tuy nhiên, sau khi trả nợ Ngân hàng và xóa thế chấp thì nhà và đất 106 Nguyễn Văn C bị tranh chấp nên ông V không nhận chuyển nhượng nhà, đất trên. Do vậy, ông Vũ Xuân V không trả khoản tiền vay cho bà M như đã cam kết.

Do vậy, số tiền 5.000.000.000 đồng bà Cao Thị Bích M cho ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T vay ngày 03/4/2023 dùng để trả khoản nợ của ông Võ Thiện N tại

Ngân hàng nên ông Võ Thiện N là người được hưởng lợi. Hơn nữa, để được vay tiền ông N đã đồng ý cầm cố quyền sử dụng đất của thửa đất 113 và căn nhà 106 Nguyễn Văn C cho bà M nên ông Võ Thiện N *phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ* 5.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ cho bà Cao Thị Bích M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M: Buộc ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T, ông Võ Thiện N phải liên đới trả cho bà Cao Thị Bích M khoản vay 5.000.000.000 đồng ngày 03/4/2023 và số tiền lãi là 634.722.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2024 tổng cộng số tiền là 5.634.772.000 đồng (*Năm tỷ, sáu trăm ba mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Võ Thiện N phải liên đới trả cho bà Cao Thị Bích M khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ngày 05/9/2022.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại án phí DSST cho phù hợp. Bị đơn ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Thiện N phải nộp số tiền 37.878.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Cao Thị Bích M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2.]. Điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 288, Điều 289; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. *Tuyên xử:*

[3.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Bích M. Buộc ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T phải trả cho bà Cao Thị Bích M tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 2.369.444.000đ (*Hai tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) trong đó số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 369.444.000 đồng.

[3.2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bích M buộc ông Võ Văn Á, bà Hà Thị T, ông Võ Thiện N phải liên đới trả cho cho bà Cao Thị Bích

M tổng số tiền là 5.634.772.000 đ (*Năm tỷ, sáu trăm ba mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 634.722.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Văn Á, *bà* Hà Thị T *và ông* Võ Thiện N *còn phải có trách nhiệm trả cho bà* Cao Thị Bích M *khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[3.3]. Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bích M về việc buộc anh Võ Thiện N cùng liên đới phải chịu khoản nợ số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi là 369.444.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 2.369.444.000 đồng.

[3.4]. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Võ Thiện N ngày 03/01/ 2024 về việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001010329 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 12/11/2003 và thay đổi quyền sở hữu ngày 21/4/2022 đứng tên ông Võ Thiện N.

[4.]. Về án phí:

[4.1] Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thiện N phải nộp số tiền 37.878.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn Á và bà Hà Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí phúc thẩm: Bà Cao Thị Bích M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết